

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC- LÊ NIN

**ĐỀ TÀI: PHÂN TÍCH TIẾN TRÌNH CNH-HĐH Ở VIỆT NAM VÀ
ĐỀ RA NHỮNG GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA
HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Giảng viên hướng dẫn : PHẠM THANH HIỀN

Sinh viên thực hiện : TẠ NGỌC LAN

Lớp : K23ATCC

Mã sinh viên : 23A7510063

Hà nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	4
NỘI DUNG	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA-HIỆN ĐẠI HÓA Ở NƯỚC TA.	
1. Khái niệm công nghiệp hóa-hiện đại hóa	5
1.1. <i>Khái quát lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp</i>	5
1.2. <i>Khái niệm và đặc điểm công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam</i>	5
2. Quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam	6
3. Mục tiêu công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam	7
4. Công nghiệp hóa-hiện đại hóa là một tất yếu khách quan ở Việt Nam	7
5. Vai trò của công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam	8
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA-HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM	8
1. Các giai đoạn phát triển công nghiệp ở Việt Nam	8
1.1. <i>Giai đoạn trước năm 1945</i>	8
1.2. <i>Giai đoạn từ 1945-1985</i>	9
1.3. <i>Giai đoạn từ sau 1986</i>	9
2. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp	10
2.1. <i>Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế</i>	10
2.2. <i>Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành</i>	11
2.3. <i>Chuyển dịch cơ cấu theo lãnh thổ</i>	12
3. Công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	12
3.1. <i>Quan điểm về công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư</i>	13
3.2. <i>Công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư.</i>	13
4. Một số thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trong sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa.	15
5. Những tồn tại và hạn chế trong quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam	16
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA-HIỆN ĐẠI HÓA TRÊN CẢ NƯỚC NÓI CHUNG VÀ Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM NÓI RIÊNG.	17
1. Giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa-hiện đại hóa trên cả nước.	17
2. Giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở nông thôn Việt Nam.	18

<i>2.1.Sơ lược thực tế công nghiệp ở nông thôn Việt Nam.</i>	18
<i>2.2.Giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở nông thôn Việt Nam.</i>	19
KẾT LUẬN	20
QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN	21
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	23

MỞ ĐẦU

Những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng công nghiệp hóa- Hiện đại hóa đã và đang thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của lực lượng sản xuất, tăng suất lao động, làm chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của các quốc gia. Bước vào thế kỉ XXI, trong mọi lĩnh vực như chính trị, kỹ thuật, quân sự, giáo dục-đào tạo,... đều có những biến đổi to lớn. Thực hiện cuộc cách mạng đã giúp những quốc gia đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần đưa họ trở thành cường quốc phát triển như hiện nay. Nhưng bên cạnh đó, sự xuất hiện của công nghiệp hóa- hiện đại hóa, nguy cơ tụt hậu về kinh tế, giáo dục, khoa học và công nghệ, vì vậy nó sẽ là thách thức lớn đối với nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Trước tình hình đó, ngoài việc chú trọng bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước, Việt Nam cần tập trung đẩy mạnh công cuộc xây dựng phát triển nền kinh tế nước nhà để không bị yếu thế hay phụ thuộc vào bất kì quốc gia nào. Vì vậy việc tiến hành công nghiệp hóa- hiện đại hóa là một thiết yếu. Việt Nam trong thời kì quá độ lên CNXH, đang ở trong thời kì nền kinh tế vẫn còn ở trình độ thấp. Muốn đưa nền kinh tế đi lên để có thể sánh vai với các cường quốc năm châu như Bác Hồ đã nói, cùng với các nước trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương và để trở thành con Rồng kinh tế thì công nghiệp hóa- hiện đại hóa phải được chú trọng đặc biệt. Nhận thức rõ điều đó, công nghiệp hóa- hiện đại hóa là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Thực hiện nhiệm vụ đó, những năm qua, nhất là những năm đổi mới, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, cho phép chuyển sang một thời kì phát triển cao hơn, làm tăng thu nhập cho người dân, tạo tiền đề giải quyết hàng loạt các vấn đề chính trị-xã hội của đất nước.

Công nghiệp hóa- hiện đại hóa là một quá trình lâu dài cần được tiến hành theo tuần tự, không thể nóng vội hay tùy tiện. Nếu không nhìn nhận và phân tích sâu sắc quá trình chuyển đổi và phát triển của nền kinh tế thì sẽ khó tìm ra giải pháp phát huy được hiệu quả công nghiệp hóa- hiện đại hóa. Việt Nam đang ở trong lộ trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Chúng ta đã trải qua những tiến trình khó khăn để có được ngày hôm nay.

Xuất phát từ thực tế cấp bách đó, kết hợp với những tài liệu thu thập cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy, cô giáo, em quyết định chọn đề tài “Phân tích tiến trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa ở Việt Nam và đề ra những giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa- hiện đại hóa nông thôn ở Việt Nam” làm đề tài nghiên cứu.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CNH-HĐH Ở NƯỚC TA

1. Khái niệm công nghiệp hóa-hiện đại hóa

1.1. Khái quát lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp

Về mặt lịch sử cho đến nay, loài người đã trải qua ba cuộc cách mạng công nghiệp và đang bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cụ thể :

- Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (1.0) khởi phát từ nước Anh, giữa XVIII - giữa XIX.
- Cách mạng công nghiệp lần thứ hai (2.0) nửa cuối XIX- đầu XX
- Cách mạng công nghiệp lần thứ ba (3.0) đầu thập niên 60 XX- cuối XX
- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) được đề cập lần đầu tiên tại triển lãm công nghệ Hannover(CHLB Đức) 2011 và được Chính phủ Đức đưa vào “ Kế hoạch hành động chiến lược công nghệ cao ” 2012.

Đặc trưng

- 1.0 : sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ khí hóa sản xuất
- 2.0 : sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra dây chuyền sản xuất hàng loạt.
- 3.0: sử dụng công nghệ thông tin và máy tính để tự động hóa sản xuất
- 4.0: Liên kết giữa thế giới thực và ảo, để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất.

1.2. Khái niệm và đặc điểm của công nghiệp hóa-hiện đại ở Việt Nam

Khái niệm

Từ cuối thế kỷ XVIII đến nay trong lịch sử đã diễn ra các loại công nghiệp hóa khác nhau:

- Công nghiệp hóa TBCN
- Công nghiệp hóa XHCN

Năm 1963, tổ chức phát triển công nghiệp của liên hợp quốc (UNID) đã đưa ra định nghĩa sau đây: CNH là quá trình phát triển kinh tế, trong quá trình này một bộ phận ngày càng tăng các nguồn của cải quốc dân được động viên để phát triển cơ cấu kinh tế nhiều ngành ở trong nước với kỹ thuật hiện đại. Đặc điểm của cơ cấu kinh tế này là một bộ phận chế biến luôn thay đổi để sản xuất ra những tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, có khả năng đảm bảo cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao, bảo đảm đạt tới sự tiến bộ về kinh tế và xã hội.

Hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội từ chỗ theo những quy trình công nghệ phương tiện phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật tạo ra năng suất lao động hiệu quả và trình độ văn minh kinh tế xã hội cao.

Quan niệm của Đảng ta: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử

dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, tạo ra năng xuất lao động xã hội cao.” [1,tr155]

Đặc điểm của công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam .

- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa theo định hướng XHCN, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".
- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế trí thức .
- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu kinh tế và Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tận dụng tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và quốc tế, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước.

- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn thể nhân dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Lấy nguồn lực con người là cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn thể nhân dân tập trung xây dựng đất nước, không ngừng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Phát triển kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa-hiện đại hóa, Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại.

- Lấy hiệu quả kinh tế- xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư sâu, khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có, Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh; đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập chung nguồn lực cho các lĩnh vực , các địa bàn trọng điểm; đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước; có chính sách hỗ trợ các vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng phát triển đều.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng-an ninh. Xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ tổ quốc, điều đó được quán triệt trong việc kết hợp phát triển kinh tế xã hội với quốc phòng an ninh. Kinh tế phát triển để tạo cơ sở tăng cường sức mạnh quốc phòng an ninh. Quốc phòng an ninh mạnh tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội. Chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng thù địch vẫn không ngừng chạy đua vũ trang, Hòa bình ổn định đối với quốc gia luôn bị đe dọa. Vì vậy chúng ta phải không ngừng nâng cao cảnh giác, cẩn thận

nhận thức đầy đủ và đúng đắn hơn mối qua hệ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng an ninh.

3.Mục tiêu công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam

Công nghiệp hóa- hiện đại hóa là mục tiêu phát triển lâu dài của nước ta nhằm góp phần xây dựng Việt Nam trở thành nước công nghiệp có cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện đại, quan hệ cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ an ninh xuất tiền bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất tinh thần được nâng , an ninh quốc phòng vững chắc , dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.Ra sức phấn đấu để Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp, với tỷ trọng công nghiệp vượt trội hơn các ngành khác. [3]

4.Công nghiệp hóa-hiện đại hóa là một tất yếu khách quan ở Việt Nam

Thực tế lịch sử đã cho thấy, nước chúng ta là nước chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh, vì vậy xuất phát điểm của nền kinh tế rất thấp và lạc hậu vì vậy muốn đưa đất nước phát triển tiên tiến thì phải tiến hành công nghiệp hóa-hiện đại hóa .

Tuy nhiên không phải con đường công nghiệp hóa-hiện đại hóa nào cũng phù hợp với nước ta, mà Việt Nam phải tìm một con đường vừa đúng đắn vừa phù hợp với đặc điểm kinh tế nước ta, mà lại đảm bảo xu thế phát triển chung của nhân loại.

Công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở nước ta hiện nay với những đặc điểm chủ yếu dựa vào hoạt động thương mại khai thác tài nguyên lao động. Bên cạnh đó, nước ta lại là một nước có nền kinh tế thuần nông nghiệp. Nếu xét khái quát trên góc độ kinh tế, xã hội, trình độ phát triển khoa học công nghệ, mức sống của người dân thì nước chúng ta vẫn còn nghèo nàn lạc hậu.

Nước ta đang trong quá trình chuyển từ một nền kinh tế lạc hậu sang một nền kinh tế thị trường nghĩa là đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ sang nền kinh tế sản xuất lớn hơn. Một nền kinh tế sản xuất lớn thì đòi hỏi phải có một cơ sở hạ tầng tiên bộ. Để tạo ra những cơ sở vật chất tiên bộ đó ,đòi hỏi chúng ta phải tiến hành công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

Ngoài việc đáp ứng về nhu cầu kinh tế, sự nghiệp công nghiệp hóa ở nước ta còn do yêu cầu bảo vệ tổ quốc. Chỉ khi kinh tế lớn mạnh chúng ta mới có thể trang bị những vũ trang tối tân để bảo vệ đất nước khỏi những âm mưu hoặc thế lực thù địch. Ngoài ra sự nghiệp phát triển kinh tế phải đi đôi với quá trình giữ gìn và bảo vệ thành tựu đã đạt được.

Công nghiệp hóa XHCN ở nước ta được coi là nhiệm vụ trọng tâm của thời kì quá độ đã được Đảng ta xác định. Công nghiệp hóa XHCN có thể đưa nước ta từ nền kinh tế sản xuất nhỏ lên một nền sản xuất lớn XHCN. Tóm lại tính tất yếu của quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa là từ yêu cầu của sự phát triển kinh tế, xây dựng đất nước văn minh hiện đại, nâng cao đời sống nhân dân, củng cố an ninh quốc phòng , bảo vệ chủ quyền đất nước, đưa đất nước giàu mạnh tự tin hội nhập hợp tác quốc tế.

5.Vai trò của công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam

Công nghiệp hóa- hiện đại hóa là một quá trình thiết yếu và quan trọng đối với mỗi đất nước.Một quốc gia muốn phát triển thì nhất định phải trải qua quá trình công nghiệp hóa. Thực tế cho thấy thực hiện tốt công nghiệp hóa-hiện đại hóa đã mang lại vai trò to lớn trên nhiều mặt :

- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa giúp phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Nó có tác dụng như vậy vì công nghiệp hóa-hiện đại hóa là một phương thức chung nhất, là một cuộc cách mạng làm thay đổi căn bản kỹ thuật, công nghệ sản xuất, tăng năng suất lao động.

- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa đã tạo tiền đề về vật chất để không ngừng củng cố và tăng cường vai trò kinh tế nhà nước,nâng cao năng lực tích lũy, tăng công ăn việc làm, nhờ đó làm tăng sự phát triển tự do và toàn diện trong mọi hoạt động kinh tế của con người- nhân tố trung tâm của nền sản xuất xã hội. Từ đó con người có thể phát huy vai trò của mình đối với nền sản xuất xã hội. Để đào tạo ra những người phát triển toàn diện , cần phải có một nền kinh tế phát triển cao, một nền khoa học kỹ thuật hiện đại, một nền văn hóa tiên tiến, một nền giáo dục phát triển. Bằng sự phát triển toàn diện, con người sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Muốn đạt được điều đó, phải thực hiện tốt công nghiệp hóa-hiện đại hóa mới có khả năng thực tế để quan tâm đầy đủ đến sự phát triển tự do và hoàn thiện nhân tố con người.

- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa đóng góp to lớn trong việc phát triển kinh tế-xã hội.Một đất nước phát triển kinh tế thì mới có đủ vật chất để trang bị , cải tiến vũ khí cho lực lượng vũ trang, củng cố an ninh quốc phòng .

- Công nghiệp hóa-hiện đại hóa làm mở rộng quy mô thị trường. Bên cạnh thị trường hàng hóa , còn xuất hiện thêm thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường công nghệ... vì vậy ngân hàng và các dịch vụ tài chính tăng mạnh. Đồng thời cũng giúp chúng ta xây dựng được một nền kinh tế độc lập tự chủ, tự tin hợp tác và hội nhập quốc tế.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA-HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

1. Các giai đoạn phát triển công nghiệp ở Việt Nam

1.1.Giai đoạn trước năm 1945

Trong giai đoạn này, công nghiệp Việt Nam hầu như tập chung là các nghề thủ công truyền thống, thị trường tiêu thụ với quy mô rất nhỏ. Thêm vào đó nước ta bị thực dân Pháp xâm lược và chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh nên càng trở nên lạc hậu và phụ thuộc. Khai thác được tài nguyên nhưng chúng ta không có máy móc để chế biến. Tiền và sức lao động tập chung hết vào khai thác nhưng lại không đạt được thành quả nhiều nên nền kinh tế, công nghiệp càng nghèo nàn và lạc hậu hơn. Tuy có một số mô hình nhỏ nhưng không đủ hình thành khu công nghiệp vì trang thiết bị còn thô sơ, chưa có trình độ chuyên môn.

1.2. Giai đoạn từ 1945-1985

Thời kỳ này ngành công nghiệp Việt Nam được hình thành chủ yếu dựa vào trợ giúp của các nước XHCN. Với tư tưởng tự lực tự cường nên cơ cấu ngành đã được hình thành nhưng là "cân đối tĩnh", cụ thể: đã có 19 tiểu ngành công nghiệp, khá toàn diện, ít thua kém về số lượng các tiểu ngành so với một số nền công nghiệp phát triển lúc đó trong khi tiềm lực còn non yếu, cơ cấu lại được xây dựng trên một hệ trục là cơ chế kế hoạch hoá tập trung với công cụ cân đối tĩnh mang tính chất tản mạn, thiếu mũi nhọn, thiếu động lực phát triển. Đại hội lần thứ IV của Đảng (12-1976) có phương hướng: "Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ..." . Thực hiện phương hướng đó trong kế hoạch 1976-1980 đã bố trí nhiều công trình công nghiệp nặng then chốt, sau đó cho công nghiệp cơ bản và công nghiệp cho xuất khẩu. Đến cuối những năm 1980, sự đổ vỡ và chuyển đổi nền kinh tế các nước bạn XHCN đã tác động trực tiếp đến công nghiệp Việt Nam khi phải tham gia trong một môi trường kinh tế quốc tế mới. Cơ cấu ngành, tiến trình phát triển và trật tự cũ đã không cho phép doanh nghiệp có các sản phẩm cạnh tranh trên thị trường mới trong các quan hệ hội nhập hoàn toàn mới mẻ. [4, tr89]

1.3. Giai đoạn từ sau 1986

Thực hiện đường lối đổi mới do đại hội lần thứ VI Đảng CSVN đề ra, chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN. Chúng ta đã thu được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực và công nghiệp của Việt Nam cũng đã có những bước tiến quan trọng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Bình quân 5 năm 1993-1998 tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đạt 13,7%, trong đó khu vực kinh tế Nhà nước 15%, khu vực ngoài quốc doanh 10,6%. Giai đoạn 1998-2003, sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng với nhịp độ cao .

Không chỉ tăng trưởng cao mà sản xuất công nghiệp những năm cuối thập kỷ 90 và đầu thập kỷ 91 thế kỷ XX và thế kỷ XXI đã xuất hiện xu hướng đa ngành, đa sản phẩm với sự tham gia của các thành phần kinh tế quốc doanh, ngoài quốc doanh và công nghiệp có vốn FDI trong đó công nghiệp quốc doanh vẫn giữ vai trò chủ đạo. Những thành tựu trong phát triển công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế cả nước theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Giai đoạn 1993-2005 cơ cấu công nghiệp Việt Nam được đánh giá là có những thay đổi mạnh mẽ trước yêu cầu của sự phát triển để hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Sự chuyển dịch mạnh mẽ của cơ cấu công nghiệp được thể hiện trước hết qua việc sắp xếp lại các doanh nghiệp công nghiệp Nhà nước từ trên 2200 doanh nghiệp còn 950 doanh nghiệp. Sau Nghị định 388, toàn ngành có 337 doanh nghiệp được cơ cấu trong 18 tổng công ty (với

322 doanh nghiệp) và 15 doanh nghiệp độc lập.. Kết quả, cơ cấu vĩ mô của doanh nghiệp đã thay đổi khá căn bản. Ngoại trừ tổng công ty dầu khí có số vốn kinh doanh lên tới hàng tỷ USD, các tổng ty lớn khác đều có số vốn từ vài chục đến hàng trăm triệu USD. Trong khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, số lượng các doanh nghiệp công nghiệp cũng không ngừng tăng lên. Với các chính sách mở cửa, số cơ sở sản xuất công nghiệp trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 666 cơ sở năm 1999 lên 1162 cơ sở vào năm 2005. Xét theo các nhóm ngành, số cơ sở sản xuất công nghiệp khai thác tăng thêm 62020 cơ sở và công nghiệp chế biến tăng 41835 cơ sở chỉ sau hai năm từ 2001 đến 2003.

Đến cuối 2006, giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá cố định 1994) đạt 490,82 ngàn tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2005. Tính đến hết năm 2006, trong 3 ngành sản xuất cấp I thì ngành khai thác có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 7,8%, tăng 1,16% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất điện, ga, nước chiếm 5,7%, tăng 13% và công nghiệp chế biến chiếm 86,4%, tăng 18,9%. [4, tr89]

2. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

2.1. Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế

Kinh tế công nghiệp quốc doanh.

- Làm trụ cột của nền kinh tế trong nhiều năm, chiếm 55% tổng giá trị sản xuất công nghiệp và nắm giữ hầu hết các ngành kinh tế quan trọng của đất nước.

- Sau nhiều năm nắm giữ vị trí quan trọng, kinh tế công nghiệp quốc doanh có dấu hiệu sụt giảm về tỷ trọng các ngành như thiết bị điện, sản xuất kim loại, cao su,..., các ngành thuộc nhóm độc quyền như điện nước, thuốc lá, ... vẫn giữ được tỷ trọng như cũ.

- Sau chủ chương mở cửa cho đầu tư nước ngoài của nhà nước. Số cơ sở sản xuất công nghiệp đến năm 2005 ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 1860 cơ sở với tổng giá trị công nghiệp lên tới hàng trăm tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 chiếm 34,3%.

Kinh tế công nghiệp ngoài quốc doanh.

- Từ 1991, kinh tế công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển mạnh với sự có mặt của đầu tư nước ngoài, cơ cấu ngành công nghiệp tăng 23,9%.

- Sau nhiều năm, kinh tế công nghiệp ngoài quốc doanh tuy khó khăn về công nghệ, nhưng thị trường và vốn nhưng vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá. Nhiều doanh nghiệp tư nhân đã đầu tư đổi mới công nghệ,... Mặc dù quy mô và tiềm lực còn hạn chế, nhìn chung khu vực này là một trong những đối tượng quan trọng trong việc tham gia làm thay đổi cơ cấu thành phần kinh tế ngành.

- Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 chiếm 28,5% và tăng 124,1% so với năm 2004.

- Bình quân 20 năm (1986-2005) công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 111,8%, Tỷ suất lợi nhuận một đồng vốn doanh nghiệp công nghiệp thuộc

công nghiệp ngoài quốc doanh tăng từ năm 2000 lên vào năm 2004 tương ứng là 0,011 lên 0,035.

Kinh tế công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

- Góp phần làm cơ cấu thành phần kinh tế đa dạng hơn, năm 1991, cơ cấu công nghiệp tăng 18%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp năm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 37,2%, chủ yếu tập trung vào các ngành như khai thác dầu khí, máy tính, điện tử, xe máy... và tỷ trọng đã không ngừng tăng lên. Nhờ tăng trưởng cao và ổn định, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã nâng tỷ trọng lên từ 25% năm 1997 lên đến hơn 46% vào năm 2005 (theo giá thực tế), giá trị xuất khẩu công nghiệp từ các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh, giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 120,9% so với năm 2004, tạo ra hình ảnh tốt cho quá trình hội nhập của công nghiệp Việt Nam vào khu vực.

- Bình quân 20 năm (1986-2005) công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 120,8%. Tỷ suất lợi nhuận một đồng vốn doanh nghiệp công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 0,158 vào năm 2000 lên 0,164 vào năm 2004.

Kinh tế công nghiệp nhà nước

- Năm 1991, cơ cấu ngành công nghiệp Nhà nước tăng 9,1%

- Năm 2005 so với 2004, giá trị sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp Nhà nước tăng 108,7%.

- Bình quân 20 năm (1986-2005) công nghiệp Nhà nước tăng 110,4%

- Tỷ suất lợi nhuận một đồng vốn doanh nghiệp công nghiệp thuộc khu vực Nhà nước đã tăng từ 0,096 vào năm 2000 lên 0,099 vào năm 2004.

2.2. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành

Có thể phân tích theo 4 nhóm ngành để có thể thấy rõ được sự chuyển dịch của cơ cấu: Nhóm ngành thủ công mỹ nghệ truyền thống, nhóm ngành khai thác, nhóm ngành chế biến - lắp ráp và nhóm ngành chế tạo sản phẩm kỹ thuật cao.

Nhóm ngành thủ công mỹ nghệ truyền thống

- Các giá trị công nghiệp và văn hoá hình thành.

- Theo báo cáo của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, cả nước có trên 1400 làng nghề, phía bắc chiếm 60% số lượng làng nghề cả nước. Sự tồn tại và phát triển của các làng nghề đã góp phần to lớn vào sự phát triển kinh tế địa phương và cả nước.

- Xuất khẩu 2005: kim ngạch xuất khẩu phía Bắc hơn 500 triệu USD

Nhóm ngành khai thác và sản xuất sản phẩm như khoáng sản, lâm sản, thủy hải sản.

- Trong những năm qua, nền kinh tế nước ta nói chung, công nghiệp nói riêng vẫn dựa rất lớn vào nhóm ngành này.

- Khoáng sản khá phong phú và đa dạng với gần 100 loại và phục vụ chủ yếu cho phát triển công nghiệp.

- Các mỏ khoáng sản đa dạng nhưng lại có trữ lượng nhỏ và phân bố rải rác, nhiều mỏ lớn nhưng lại phân bố ở địa hình khó khăn, tốn kinh phí để khai thác và vận chuyển.

- Dầu khí nước ta có trữ lượng khá lớn. Toàn ngành đã đạt mốc khai thác 100 triệu tấn vào ngày 12/2/2003. Ngành thủy sản cũng tăng trưởng mạnh và là một ngành xuất khẩu chủ lực của nước ta. Ngành đang tập trung vào xây dựng thành ngành kinh tế mũi nhọn, không phải chỉ trong nông nghiệp mà cả trong nền kinh tế nói chung.

Nhóm ngành chế biến, lắp ráp

- Đây là nhóm ngành đang dẫn đầu về tỷ trọng giá trị hàng hoá của công nghiệp Việt Nam.

Nhóm ngành chế tạo sản phẩm kỹ thuật cao (máy móc, điện tử, hoá chất, động cơ...) vừa mới bắt đầu phát triển

- Còn phụ thuộc nhiều vào đầu tư tài chính, công nghệ vẫn còn phụ thuộc vào nước ngoài. Nước ta bị tụt hậu về ngành nghiên cứu khoa học công nghệ so với nhiều nước trên thế giới.

2.3. Chuyển dịch cơ cấu theo lãnh thổ

Cơ cấu công nghiệp Việt Nam theo lãnh thổ đã được hình thành hợp lý hơn, hình thành các khu công nghiệp tập chung, khu chế xuất có quy mô lớn. Cả nước đã hình thành 3 vùng kinh tế trọng điểm:

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc
- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung
- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Năm 2005 doanh thu của các doanh nghiệp khu công nghiệp đạt khoảng trên 3500 triệu USD trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 2000 triệu đô la, bằng 60% giá trị xuất khẩu chung của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu khí). Số lao động trực tiếp thu hút vào khu chế xuất, khu công nghiệp đạt hơn 20 vạn người. Ngành nghề trong các khu công nghiệp rất đa dạng với công nghiệp nhẹ, công nghiệp hoá chất, điện tử, chế biến thực phẩm và nông thủy sản xuất khẩu... Công nghiệp nặng gắn với các cảng nước sâu ở các vùng kinh tế trọng điểm, các ngành khác cũng phát triển trên cơ sở cơ cấu ngành nghề gắn với lợi thế của từng vùng. Điều này đã tạo việc làm cho hàng vạn lao động trong các ngành du lịch, dịch vụ, xây dựng cơ bản phục vụ cho phát triển khu công nghiệp, khu công nghiệp đã tác động đến phát triển các cơ sở nguyên liệu, dịch vụ cho khu công nghiệp, nâng cao giá trị nông sản, mở rộng thị trường, hình thành các đô thị vệ tinh.

Hoạt động của các khu công nghiệp đã đạt được kết quả tăng trưởng nhanh so với nền kinh tế nói chung. Nhìn chung các khu công nghiệp lớn ra đời đã góp phần điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp theo vùng một cách đáng kể.

3. Công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

3.1. Quan điểm về công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh CMCN lần thứ tư

Thứ nhất, chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết, giải phóng mọi nguồn lực.

Ngày nay, quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa của tất cả các nước đều chịu sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đây là thách thức đồng thời cũng là cơ hội đối với tất cả các nước, đặc biệt là các nước còn kém phát triển. Do đó phải tích cực chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để có thể thực hiện công nghiệp hóa-hiện đại hóa thích ứng được với tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, coi đây là quan điểm xuất phát.

Thứ hai, các biện pháp thích ứng phải được thực hiện đồng bộ, phát huy sức sáng tạo của toàn dân.

Để thực hiện thành công công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong bối cảnh tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với trình độ phát triển như ở nước ta hiện nay là công cuộc mang tính thách thức lớn. Do đó, đòi hỏi phải thực hiện rất nhiều giải pháp, vừa có những khâu phải tuân thủ, song phải có những khâu có lộ trình tối ưu. Để thành công, những giải pháp phải được thực hiện một cách đồng bộ, có sự phối hợp của tất cả các chủ thể trong nền kinh tế- xã hội, phát huy sức mạnh sáng tạo của toàn dân. [1, tr162]

3.2. Công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, xây dựng nền kinh tế dựa trên nền tảng sáng tạo.

Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Cải thiện khung pháp lý, tăng nguồn vốn con người. Phát huy vai trò của trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu chất lượng cao ở trong nước đồng thời kết nối với mạng lưới tri thức toàn cầu.

Thứ hai, nắm bắt và đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Huy động ở mức cao nhất các nguồn lực từ Nhà nước, của toàn dân, và nguồn lực quốc tế phục vụ cho nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất và phục vụ đời sống. Để thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, các doanh nghiệp phải tối ưu hóa mô hình kinh doanh, nâng cao kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ vào cải thiện sản xuất.

Thứ ba, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với các tác động tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin và truyền thông.

- Huy động các nguồn lực khác nhau để phát triển nhanh chóng hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế. Đẩy mạnh đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

- Tập chung phát triển tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phát triển hạ tầng kết nối số và đảm bảo an toàn an ninh mạng và tạo điều kiện bình đẳng cho người dân khi tiếp cận thông tin và nội dung số.

- Triển khai các giải pháp để phát triển ngành công nghệ thông tin thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0.

Phát triển ngành công nghiệp

- Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ cho nông nghiệp, công nghiệp chế biến và công nghiệp hàng tiêu dùng. Phát triển công nghiệp phụ trợ và công nghiệp năng lượng, hóa chất, điện tử, vật liệu, hàng tiêu dùng, chế biến.

- Phát triển chọn lọc một số ngành, lĩnh vực công nghiệp hiện đại.

- Tập chung vào những ngành công nghiệp có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu.

- Xây dựng các khu công nghiệp, công nghệ cao.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả. Phát triển nông, lâm, ngư, nghiệp gắn với công nghiệp và chế biến nhằm khai thác và phát huy tiềm năng, hiệu quả của các ngành này.

- Ứng dụng công nghệ sinh học và sản xuất, thực hiện cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, phát triển công, thương nghiệp và dịch vụ phục vụ cho nông thôn.

Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội tạo điều kiện để thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Phát huy những lợi thế trong nước để phát triển du lịch, dịch vụ.

- Khai thác những tiềm năng và lợi thế trong nước để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch xanh. Đồng thời phát triển các dịch vụ hàng không, hàng hải, bưu chính-viễn thông,..và các dịch vụ khác để nâng cao đời sống người dân.

Phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ.

- Xây dựng và chuyển dịch cơ cấu vùng lãnh thổ phù hợp với tiềm năng và lợi thế của vùng. Liên kết, hỗ trợ các vùng trong nước để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng và phát triển một số vùng kinh tế trọng điểm. Tạo cơ chế đặc thù để khai thác thế mạnh của từng vùng lãnh thổ. Đảm bảo cho người dân được hưởng những thành quả của sự phát triển vùng lãnh thổ.

Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng coi trọng chất lượng, coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.
 - Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và phát triển nguồn nhân lực.
 - Tăng cường đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, mà trực tiếp nhất là đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
 - Tổ chức nghiên cứu khoa học và đào tạo, phải thay đổi cơ bản phương thức hoạt động, nâng cao cơ sở, trang thiết bị nghiên cứu, gắn kết giữa nghiên cứu đào tạo với doanh nghiệp theo cơ chế hợp tác cùng có lợi, đưa nhanh các tiến bộ khoa học vào sản xuất và kinh doanh.
 - Coi trọng chính sách trọng dụng thu hút nhân tài, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với người tài, coi hiền tài là nguyên khí của quốc gia, là điều kiện tiên quyết để phát triển đất nước trong thời đại khoa học công nghệ mới.
- Tích cực chủ động hội nhập quốc tế.*
- Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các vốn đầu tư nước ngoài. Phát huy lợi thế so sánh ở trong nước để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, từng bước tham gia vào phân công lao động quốc tế và chuỗi giá trị toàn cầu. Mở rộng quan hệ quốc tế trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, du lịch, văn hóa. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác song phương, đa phương trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. [1, tr162-tr167]

4. Một số thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trong sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa.

Việt Nam đã đạt được nhiều thành quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta từ một quốc gia nghèo nàn lạc hậu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình và ngày càng hội nhập sâu rộng với các khu vực và thế giới. Vị thế của đất nước trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao và mức sống của nhân dân ngày càng được cải thiện. Công nghiệp là ngành đóng vai trò to lớn trong việc phát triển nền kinh tế.

- Bình quân giai đoạn 2006 – 2017, công nghiệp chiếm hơn 30% trong GDP của cả nước. Ngành công nghiệp cũng là ngành đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước.
- Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng liên tục trong giai đoạn 2006 – 2017, giá trị gia tăng công nghiệp tăng bình quân 6,79%/năm.
- Năm 2018, trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp tăng 8,79%, đóng góp 2,85 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.
- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực công nghiệp và là động lực chính của tăng trưởng với mức tăng 12,98%, tuy thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2017 nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng các năm 2012-2016, đóng góp 2,55 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế. Tuy nhiên, ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục xu hướng giảm theo định hướng tái cơ cấu chung (giảm

3,11%), làm giảm 0,23 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 10,2%, vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã được đặt ra từ đầu năm (tăng 9%), tuy thấp hơn mức tăng 11,3% của năm 2017 nhưng cao hơn mức tăng các năm 2012 – 2016.

- Cơ cấu các ngành công nghiệp chuyển biến theo hướng tích cực. Tăng tỷ trọng của công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng của ngành khai khoáng. Đóng góp vào tăng trưởng GDP của công nghiệp chế biến, chế tạo liên tục tăng từ năm 2015. Tỷ trọng GDP của nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng từ 14,6% bình quân giai đoạn 2011 - 2015 lên 16,2% năm 2016, 17,4% năm 2017 và 18,3% ước cho năm 2018; của nhóm ngành khai khoáng giảm từ 8,8% bình quân giai đoạn 2011 - 2015 xuống 7,6% năm 2016, 6,6% năm 2017 và 6% ước cho năm 2018.

- Trong giai đoạn 2006 – 2016, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp tăng gần 3,5 lần, chiếm tới 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trong đó tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo ngày càng tăng. Nhiều mặt hàng công nghiệp như da – giày, dệt may, điện tử có vị trí xếp hạng xuất khẩu cao so với khu vực và thế giới.

- Hình thành và phát triển một số tập đoàn công nghiệp tư nhân trong nước có tiềm lực phát triển cao. Điển hình như trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp ô tô là các Tập đoàn VinGroup, Trường Hải, Thành Công; trong lĩnh vực sản xuất chế biến sữa và thực phẩm là Vinamilk, TH; trong lĩnh vực sắt thép, kim khí là Tập đoàn Hoa Sen, Tập đoàn Hòa Phát, Công ty TNHH Hòa Bình Minh, Công ty thép Pomina, Công ty CP thép Nam Kim...

- Vấn đề giải quyết việc làm được giải quyết phần khi lực lượng lao động trong ngành công nghiệp ngày càng tăng về số lượng. Bình quân mỗi năm, ngành công nghiệp tạo thêm khoảng 300.000 việc làm.

(Nguồn: Theo báo cáo của Bộ Công Thương) [5]

5. Những tồn tại và hạn chế trong quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam

Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, nổi bật như:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn còn khá thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực thời kỳ đầu công nghiệp hóa. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu các ngành công nghệ thấp, tiêu tốn vật chất nhiều, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Năng suất lao động còn thấp so với nhiều nước trong khu vực.

- Các điều kiện thuận lợi của đất nước chưa được khai thác một cách tối đa, tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn của Nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Nhiều nguồn lực trong lực lượng lao động chưa được phát huy.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch vẫn còn chậm. Các sản phẩm có lượng tri thức cao còn ít. Trong nông nghiệp sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ với thị

trường. Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn còn thiếu cụ thể. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Tỷ trọng lao động qua đào tạo chưa cao, lao động thiếu việc làm và không việc làm còn nhiều.

- Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Kinh tế vùng chưa có sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả thấp và chưa được quan tâm đúng mức.

- Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa phù hợp với tiềm năng, chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và khả năng phát triển của các thành phần kinh tế.

- Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Quản lý kém, chưa phù hợp với cơ chế thị trường.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội vẫn còn lạc hậu, làm hạn chế sự phát triển kinh tế xã hội.

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là nguyên nhân chủ quan như:

- Nhiều chính sách và giải pháp vẫn chưa đủ để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

- Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả, công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện yếu kém.

Ngoài các nguyên nhân chung nói trên, còn có các nguyên nhân cụ thể, trực tiếp như: Công tác quy hoạch chất lượng kém, nhiều bất hợp lý, cơ cấu đầu tư bất hợp lý làm cho đầu tư kém hiệu quả, công tác quản lý yếu kém gây lãng phí, thất thoát, tệ tham nhũng nghiêm trọng.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA-HIỆN ĐẠI HÓA TRÊN CẢ NƯỚC NÓI CHUNG VÀ Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM NÓI RIÊNG.

1. Giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa-hiện đại hóa trên cả nước.

- Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương của Đảng và có đường lối để xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học – công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm, tập trung vào những ngành có tính xã hội cao, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

- Tập chung phát triển chọn lọc một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, năng lượng, cơ khí, điện tử, hoá chất, công nghiệp xây dựng, xây lắp, công nghiệp quốc phòng, an ninh. Chú trọng phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất vật liệu mới; từng bước phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường và công nghiệp văn hoá

- Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn sản xuất. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế

- Phát triển kinh tế biển nhằm củng cố tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Đầu tư khai thác và phát triển dầu khí, du lịch biển, đảo. Phát triển hoạt động các khu kinh tế ven biển

- Phát triển kinh tế theo thế mạnh của từng vùng, phát triển mạnh kinh tế của các vùng trọng điểm, lấy đó làm động lực cho các vùng khác

- Đổi mới cơ chế, chính sách phát triển từng vùng theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ gồm một số đô thị lớn, nhiều đô thị vừa và nhỏ liên kết và phân bố hợp lý trên các vùng; quan tâm phát triển đô thị miền núi và các đô thị ven biển. Chú trọng phát huy vai trò, giá trị đặc trưng của các đô thị động lực phát triển kinh tế cấp quốc gia và cấp vùng.

- Ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực trọng tâm là: hạ tầng giao thông đồng bộ, có trọng điểm, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn và giữa các trục giao thông đầu mối; hạ tầng ngành điện bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

- Hoàn thiện chính sách và nâng cao năng lực thực thi pháp luật về môi trường; Khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt quan tâm đến các khu vực trọng điểm; giám sát và đối phó các vấn đề ô nhiễm xuyên biên giới, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2. Giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở nông thôn Việt Nam.

2.1. Sơ lược thực tế công nghiệp ở nông thôn Việt Nam.

- Hiện nay khu vực nông thôn vẫn đang ở tình trạng xuất phát thấp khi chuyển sang giai đoạn mới: GDP từ nông nghiệp chỉ chiếm 30% tổng sản phẩm quốc nội, thu nhập bình quân một lao động trên tháng khoảng 100.000đ thấp hơn rất nhiều so với thành thị. Thêm vào đó tình trạng phân hoá lớn giữa các khu vực thuần nông và phi thuần nông.

- Khu vực nông thôn tỷ lệ người nghèo quá lớn: thành thị số hộ nghèo đói khoảng 2,4% còn nông thôn 35- 40%, đặc biệt vùng cao, vùng xa.

- Sự phát triển không đồng đều giữa các khu vực nông thôn: Đồng bằng sông Cửu Long, miền đông Nam Bộ, đồng bằng sông Hồng là ba khu vực tương đối phát triển, còn lại khu vực chậm phát triển.

- Sự bùng nổ ngành nghề ở nông thôn với vấn đề môi trường sinh thái.

- Vấn đề tỷ lệ thất nghiệp cao ở nông thôn lên tới 15%.

Mức tích lũy và đầu tư còn rất thấp, cơ sở hạ tầng cơ bản chưa tương xứng với yêu cầu và tiềm năng phát triển. Hệ thống giáo dục ở nông thôn cũng kém phát triển và còn nhiều bất cập: Hàng năm, vẫn còn học sinh bỏ học, trong đó đều là do kinh tế gia đình khó khăn. Hiện tượng mù chữ và tái mù chữ trở lên khá phổ biến. Nhà nước chưa có chính sách giáo dục phù hợp

với mức sống của dân cư nông thôn, kinh phí của Nhà nước cho giáo dục, đào tạo còn eo hẹp và phân tán.

2.2. Giải pháp thúc đẩy công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở nông thôn Việt Nam.

Hiện đại hóa nền nông nghiệp

- Hiện đại hóa nền nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của từng vùng.

- Xây dựng hợp lý cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Điều chỉnh quy hoạch với nhu cầu và khả năng sử dụng, năng suất lao động và chất lượng tương xứng.

- Chú trọng đầu tư các cây công nghiệp như cà phê, chè, , mía, lạc..., phát triển các cơ sở bảo quản, chế biến. Chăn nuôi gia súc, gia cầm rộng rãi, chăn nuôi gắn với chế biến sản phẩm, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp.

- Phát huy lợi thế của các ngành thủy sản, tạo thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng. Trồng rừng ,tạo nguồn gỗ, nguyên liệu cho công nghiệp bột giấy, chế biến đồ gỗ gia dụng và mỹ nghệ xuất khẩu.

Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

- Chuyển một số bộ phận lao động nông nghiệp sang ngành nghề khác; rộng quy mô sản xuất, tăng việc làm và thu nhập cho người dân nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế nông thôn phải đặt trong điều kiện của kinh tế thị trường, tránh chủ quan duy ý chí; chú ý tới các yếu tố khách quan như khả năng về vốn, tổ chức quản lý, công nghệ và điều kiện thị trường.

Giảm bớt tỷ trọng lao động làm nông nghiệp

- Đây là một tiêu chí quan trọng nhất để thực hiện quá trình CNH, HĐH ở nông thôn. Để đạt được những mục tiêu đó, phải có thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp được tạo ra ngay tại khu vực nông thôn và những đô thị vừa và nhỏ nằm rải rác trên khắp các vùng ngay sát với các làng xóm nông thôn còn xa các thành phố lớn.

Phát triển nông nghiệp và nông thôn dựa theo vùng

- Dựa vào ưu thế và khó khăn của từng vùng mà phát triển công nghiệp và dịch vụ hợp lý.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào nông thôn

- Phát triển kinh tế nông thôn trong điều kiện CNH, HĐH cần phải đẩy mạnh tiến bộ khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp. Thủy lợi hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa, đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất.... Cần đưa nhanh công nghệ mới vào sản xuất thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ sạch trong nuôi trồng và chế biến thực phẩm, hạn chế việc sử dụng hóa chất độc hại trong nông nghiệp, tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật viên huấn luyện về kỹ năng cho người nông dân.

Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp

- Kinh tế hộ nông dân là hình thức kinh tế phổ biến ở nông thôn trong các làng nghề và hoạt động dịch vụ, sản xuất nông nghiệp. Nhà nước cần khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế hộ trang trại phát triển sản xuất hàng hóa với quy mô ngày càng lớn. Thành phần kinh tế nhà nước đóng vai trò then chốt trong nền kinh tế nông nghiệp nông thôn.

Đào tạo nguồn nhân lực cho nông thôn

- Nguồn nhân lực ở nông thôn có đặc điểm là trình độ học vấn thấp và phần lớn không qua đào tạo. Đây là một trở ngại lớn trong quá trình CNH, HĐH nông thôn. Phải có chính sách giáo dục đào tạo, phải tính đến nhu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu lao động được đào tạo trong hiện tại và tương lai.

- Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút lực lượng lao động có trình độ cao về nông thôn.

Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ở nông thôn

- Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ở nông thôn bao gồm: hệ thống đường xá, thông tin, thủy lợi, trạm biến thế, trạm giống, trường học, nhà văn hóa rất cần thiết cho sự phát triển nông nghiệp và nông thôn. Cần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nguồn nước, vốn, rừng, gắn với bảo vệ môi trường. Quy hoạch các khu dân cư phát triển các thị trấn nâng cao đời sống vật chất văn hóa tinh thần, xây dựng cuộc sống dân chủ, công bằng, văn minh ở nông thôn.

Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

- Đa dạng hoá các hình thức huy động, có cơ chế phù hợp để huy động nguồn vốn trong dân, nhằm đưa lại lãi suất tới mức hợp lý nguồn vốn ngân sách chi cho mục tiêu phát triển.

- Khuyến khích mọi người có vốn, có kinh nghiệm quản lý tự đầu tư hoặc liên kết liên doanh, tạo các hình thức kinh tế hỗn hợp có hiệu quả trong công nghiệp nông thôn.

- Bên cạnh đó, cần có chính sách thuế ưu đãi đối với công nghiệp nông thôn để các DN có lợi nhuận và tích lũy vốn phát triển kinh doanh. Tạo môi trường pháp lý và điều kiện thuận lợi để khai thác có hiệu quả nguồn vốn từ các tổ chức, nguồn vốn vay từ nước ngoài. Các cơ sở sản xuất kinh doanh tích lũy vốn đầu tư nâng cấp trang thiết bị, cơ sở hạ tầng.

KẾT LUẬN

Sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở Việt Nam là một tất yếu lịch sử. Quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, diễn ra trong xu thế hoà bình ổn định hợp tác và phát triển. Chúng ta đã nhận thức rõ được những lợi ích trong việc công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước, từ đó tìm ra được con đường công nghiệp hóa-hiện đại hóa vừa phù hợp với bối cảnh xã hội, vừa đáp ứng được xu thế phát triển chung của nhân loại. Với một nước vừa chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc chiến tranh, xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, thì việc tiến hành công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước là một chủ chương rất đúng đắn, có cơ sở

khoa học. Công nghiệp hóa-hiện đại hóa đã góp phần trực tiếp giải quyết các vấn đề chính trị-xã hội còn tồn tại, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng. Thúc đẩy nền kinh tế nước nhà phát triển theo xu thế chung của thời đại mới với những thành phần kinh tế năng động và tiếp thu những thành quả tiên tiến của các nước khác nhằm rút ngắn khoảng cách tụt hậu của chúng ta.

Chúng ta cần khẳng định rằng: *“CNH-HĐH là nhằm đạt mục tiêu biến đổi nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, QHSX tiến bộ phù hợp với sự phát triển của sản xuất, nguồn lực con người được phát huy, mức sống vật chất và tinh thần được nâng cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh”* (Thông báo hội nghị Trung ương lần thứ 9 ban chấp hành trung ương Đảng khoá III)

Trong điều kiện kinh tế đất nước còn khó khăn, việc thực hiện công nghiệp hóa-hiện đại hóa không thể diễn ra trong một sớm một chiều, mà Đảng ta xác định đây là quá trình lâu dài, nhiều thập kỷ. Hơn 30 năm qua, sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa ở nước ta tuy chưa tạo nên được những thành tựu vĩ đại, song những kết quả mà chúng ta đã đạt được là rất đáng khích lệ, nó tạo tiền đề cho những bước phát triển công nghiệp hóa-hiện đại hóa quan trọng sau này.

Nhiệm vụ của toàn thể nhân dân ta là tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đoàn kết, tranh thủ thời cơ để vượt qua những thách thức, góp phần công sức nhỏ bé vào tiến trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước. Cần phải có quan điểm, lập trường rõ ràng, chống lại những âm mưu phản động của các thế lực thù địch. Toàn dân hướng tới mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh phát triển, đời sống ấm no hạnh phúc.

QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN VỀ VẤN ĐỀ

Là sinh viên Học viện Ngân Hàng-chủ nhân tương lai của đất nước, em rất quan tâm đến đường lối, chính sách của Đảng trong việc phát triển kinh tế đất nước trong điều kiện công nghiệp hóa-hiện đại hóa. Theo em sự biến đổi căn bản, toàn diện cơ cấu kinh tế xã hội từ nước nông nghiệp chuyển sang một nước công nghiệp do CNH-HĐH đem lại phải diễn ra theo một trật tự và theo định hướng XHCN. Chúng ta phải quan tâm hơn nữa tới công tác giáo dục để tạo ra nguồn nhân lực dồi dào cho đất nước. Tình hình giáo dục ở nước ta hiện nay em cho rằng còn thiên về số lượng, chất lượng chưa cao đồng đều, sinh viên được đào tạo ra giỏi lý thuyết nhưng chưa biết vận dụng vào thực tế cuộc sống. Vì vậy cần phải tăng cường tổ chức giáo dục cách ứng dụng kiến thức vào thực tế, tăng thời gian thực hành của sinh viên. Cùng với đó là áp dụng những khoa học công nghệ vào quá trình phát triển kinh tế để nâng cao hiệu quả đạt được. Tích cực hợp tác, giao lưu, học hỏi với các nước trong khu vực lân cận và trên thế giới.

Đất nước ta đang trên đà phát triển với những đường lối và chính sách đúng đắn của Đảng và nhà nước. Mặc dù còn nhiều thách thức và khó khăn, nhưng với sự lãnh đạo của đảng và sự đoàn kết của toàn thể nhân dân, sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa của Việt Nam chắc chắn sẽ thành công.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chủ biên PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa cùng nhiều tác giả khác (2019), Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lê Nin.
2. Đường cách mệnh (2012), Phân tích những quan điểm đổi mới của Đảng về CNH, hiện đại hóa thể hiện trong đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 8 của Đảng.
3. vi.wikipedia.org, Công nghiệp hóa tại Việt Nam.
4. Bùi Thị Thiêm (2007), “Tạp chí Khoa học ĐHQGHN”, Kinh tế - Luật, số 23.
5. Trang thông tin điện tử hội đồng lý luận trung ương (2019), “Theo Báo cáo của Bộ Công Thương”, Thực trạng công nghiệp Việt Nam thời gian qua.
6. Theo tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki, đường lối công nghiệp hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam
7. Theo nhanvanviet.com (2016), Đại hội XII, Giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
8. tailieu.vn/doc/, Phân tích quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam.
9. Ths. Nguyễn Thị Mai Hương-Đại Học lâm nghiệp Việt Nam (2017), “Tạp chí tài chính”, Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam: Thành tựu và kiến nghị.
10. http://truongchinhtrinb.edu.vn/Uploads/Tai_lieu/files/Boi%20duong%20Chu%20tich%20%20PCT.doc